



ĐỀ TÀI KX04.19/21-25



HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN  
TRUNG ƯƠNG



# KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

**CNH, HĐH TRÊN NỀN TẢNG  
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO:  
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

**NGHỆ AN  
4 - 2023**



ĐỀ TÀI KX04.19/21-25



HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



## **KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA**

**CNH, HDH TRÊN NỀN TẢNG  
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO:  
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

**Nghệ An, 4 - 2023**

## MỤC LỤC

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TỔ CHỨC VÀ BAN BIÊN TẬP KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA .....	i
CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KHOA HỌC .....	ii
ĐỀ DẪN HỘI THẢO .....	vii

## **PHẦN 1: KINH NGHIỆM CNH, HĐH TRÊN NỀN TẢNG KHHCN&ĐMST CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI I**

- 1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO: KINH NGHIỆM CỦA HÀN QUỐC VÀ MỘT SỐ GỢI Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM.....1**  
PGS.TS. Đỗ Thị Đông, GS.TS. Trần Thị Vân Hoa  
*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*  
*Đề tài KX04.19/21-25*
- 2. KINH NGHIỆM VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở MỘT SỐ NƯỚC VÀ VÙNG LÃNH THỔ .....16**  
PGS.TS Trần Việt Tiên, GS.TS Hoàng Văn Hoa  
*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*
- 3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO PHỤC VỤ MỤC TIÊU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030.....26**  
TS. Nguyễn Hữu Xuyên  
*Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ*  
Vũ Trí Tuấn  
*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*
- 4. KINH NGHIỆM CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở MỘT SỐ NƯỚC ASEAN VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM.....37**  
GS.TS. Nguyễn Huy Bằng, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Cúc  
PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Phượng  
*Trường Đại học Vinh*
- 5. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC PHỤC VỤ CNH, HĐH ĐẤT NƯỚC .....61**  
TS. Trương Minh Đức  
*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội*  
ThS. Trần Thị Thanh Xuân  
*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

6. **BÀI HỌC CHO VIỆT NAM TRONG VIỆC THỨC ĐẨY ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỪ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ** .....80  
 Nguyễn Ngọc Anh, Đinh Thiện Đức  
*Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*
7. **KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**.....100  
 Nguyễn Nguyệt Minh, Lê Thị Thu Hương, Nguyễn Nhật Minh  
*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*  
 Cẩm Nguyễn Diệu Linh  
*Trường Đại học Mở Hà Nội*
8. **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM**...119  
 PGS.TS Đỗ Thị Hải Hà, TS. Mạc Thị Hải Yến  
*Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*
9. **KINH NGHIỆM CNH, HĐH TRÊN NỀN TẢNG KHCN VÀ ĐMST CỦA TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM** .....130  
 TS. Đinh Việt Hoàng  
*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*  
 ThS. Vũ Xuân Phong

## **PHẦN 2: THỰC TRẠNG CNH, HĐH TRÊN NỀN TẢNG KHCN&ĐMST TỪ THỰC TẾ CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG BẮC TRUNG BỘ**

10. **VAI TRÒ CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN ĐỐI VỚI KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO PHỤC VỤ QUÁ TRÌNH CNH, HĐH**.....139  
 TS. Hồ Thị Diệu Ánh  
*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Vinh*
11. **KHUYẾN KHÍCH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN TẠO ĐỘNG LỰC THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA**.....146  
 TS. Hồ Thị Hiền  
 ThS. Trần Thị Thanh Hương  
*Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An*
12. **PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ NHẪM ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở NGHỆ AN** .....156  
 TS. Nguyễn Thị Bích Liên, TS. Trần Thị Thanh Thủy  
*Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh*

13. **CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ DỰA TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH NGHỆ AN - THỰC TRẠNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP** .....174  
 Trần Quốc Thành  
*Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ Nghệ An*
14. **PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH THANH HÓA - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP** .....190  
 TS. Lê Huy Chính  
*Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Hồng Đức*
15. **GIẢI PHÁP XÂY DỰNG MÔ HÌNH DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HÓA** .....198  
 ThS. Lê Quang Huy  
*UBND huyện Bá Thước*  
 PGS.TS Lê Hoàng Bá Huyền  
*Trường Cao đẳng Nông nghiệp*  
 PGS.TS Lê Quang Hiếu  
*Trường Đại học Hồng Đức*
16. **MỐI QUAN HỆ GIỮA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SAU NGHIỆM THU TỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA TỈNH: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TỈNH NGHỆ AN, VIỆT NAM** .....206  
 Võ Hải Quang  
*Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An*
17. **CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GÓP PHẦN ĐẨY MẠNH CNH- HĐH ĐẤT NƯỚC: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH THANH HÓA**.....228  
 PGS.TS. Bùi Văn Dũng, PGS.TS. Lê Quang Hiếu  
*Trường Đại học Hồng Đức*
18. **THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045** .....237  
 TS. Hồ Trung Thanh  
*Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công thương*

### **PHẦN 3: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CNH, HĐH TRÊN NỀN TẢNG KHCCN&ĐMST**

19. **TỪ KINH TẾ TRI THỨC ĐẾN CÔNG NGHIỆP 4.0: VAI TRÒ GIÁO DỤC  
ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO .....237**  
Nguyễn Quốc Việt, Đỗ Thị Hồng Thắm  
Bùi Hà Linh, Nguyễn Thị Vân Lam  
*VEPR Research group, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, UEB-  
VNU Hanoi.*  
Nguyễn Minh Thảo  
*Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế TW (CIEM)*
20. **CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA TRONG BỐI  
CẢNH CÁCH MẠNG 4.0 .....255**  
TS. Đậu Thị Hồng  
*Khoa Chính trị - Luật, Trường Đại học Hà Tĩnh*
21. **PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA,  
HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM .....263**  
TS. Trần Thị Thanh Thủy, TS. Nguyễn Thị Bích Liên  
*Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh*
22. **NGUỒN LAO ĐỘNG CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT  
TRIỂN NỀN KINH TẾ THEO HƯỚNG CNH, HĐH TRÊN NỀN TẢNG  
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO.....275**  
PGS.TS. Trần Thị Hoàng Mai, TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh  
*Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh*
23. **KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỚI VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO LÀ NỀN TẢNG  
CỦA SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC ...290**  
TS. Đường Thị Quỳnh Liên  
*Khoa Kế toán, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh*
24. **HÀNH VI TỪ BỎ GIỎ HÀNG TRỰC TUYẾN THÔNG QUA MÔ HÌNH  
HÀNH VI KHÁCH HÀNG: MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG VÀ  
NGHIÊN CỨU .....303**  
ThS. Trần Ngọc Trang Ninh  
*Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông*

# NGUỒN LAO ĐỘNG CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THEO HƯỚNG CNH, HĐH TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

*PGS.TS. Trần Thị Hoàng Mai, TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh*  
*Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh*

## ***Tóm tắt***

*Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (KH&CN) trên thế giới đang phát triển với nhịp độ ngày càng nhanh, có khả năng tạo ra những thành tựu mang tính đột phá, khó dự báo trước và có ảnh hưởng to lớn tới mọi mặt của đời sống xã hội loài người. Nhờ những thành tựu to lớn của KH&CN và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là công nghệ thông tin - truyền thông, công nghệ sinh học,... xã hội loài người đang trong quá trình chuyển từ nền văn minh công nghiệp sang thời đại thông tin, từ nền kinh tế dựa vào các nguồn lực tự nhiên sang nền kinh tế dựa vào tri thức, mở ra cơ hội mới cho các nước đang phát triển có thể rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH). Trong bối cảnh phát triển năng động và khó dự báo cả về KH&CN và đổi mới sáng tạo, khả năng nắm bắt thời cơ và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài tùy thuộc nhiều vào trình độ và năng lực KH&CN của quốc gia. Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII (tháng 10/2022), Đảng ta đã xác định việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một giải pháp cần thiết, không thể thiếu của việc tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Do đó, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng năng lực KH&CN để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH là yêu cầu cấp thiết, cũng là thách thức lớn của nước ta hiện nay.*

## **1. Hiểu về nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế theo hướng CNH - HĐH trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

### ***1.1. Khái niệm nguồn nhân lực chất lượng cao***

Nguồn nhân lực chất lượng cao (NNLCLC) là thuật ngữ dùng để chỉ các đối tượng lao động làm thông thạo với bất kỳ một nghề nào đó, và việc họ thành thạo đó khiến họ trở thành một lao động giỏi và có kỹ năng chuyên môn tốt trong nghề của mình. Theo Đỗ Văn Đạo (2009), NNLCLC là bộ phận lao động xã hội có trình độ

học vấn và chuyên môn kỹ thuật cao; có kỹ năng lao động giỏi và có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ sản xuất; có sức khỏe và phẩm chất tốt, có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức, những kỹ năng đã được đào tạo vào quá trình lao động sản xuất nhằm đem lại năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Tương tự, Lê Thị Hồng Điệp (2010) cho rằng>NNLCLC có 3 điểm cốt lõi là trình độ được đào tạo cao, phẩm chất đạo đức tốt và khả năng đáp ứng được yêu cầu phức tạp của công việc trong những ngành có đóng góp quyết định vào sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Theo Huỳnh Thế Du (2010), nhân lực CLC thường có các tính cách như: sáng tạo, biết đặt câu hỏi và nghi ngờ; tinh thần khởi nghiệp, dám chấp nhận rủi ro, khám phá và chinh phục các đỉnh cao; ước muốn làm giàu hay thi thố tài năng đúng nghĩa; được trang bị những kỹ năng tốt (thường là qua đào tạo); có tinh thần và mong muốn học hỏi không ngừng. Để đánh giá>NNLCLC, thường dựa vào các yếu tố sau: Năng lực tư duy sáng tạo của người lao động trong thực tiễn và mang lại được hiệu quả như thế nào cho công việc và cho xã hội; Năng lực sáng nghiệp và khả năng khởi nghiệp để tự tạo việc làm cho bản thân trong thị trường lao động đầy cạnh tranh về việc làm và nghề nghiệp. Còn theo Hồ Bá Thâm (2014),>NNLCLC có 4 đặc trưng chính: có trí tuệ, nhân cách, tay nghề vượt trội và có năng lực thực tế hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách xuất sắc nhất so với mặt bằng chung, phù hợp với nền kinh tế-xã hội hiện đại mang tính chất tri thức. Cùng quan điểm này, Trịnh Duy Luân (2016) cho rằng>NNLCLC là nguồn nhân lực có chất lượng về trí tuệ và tay nghề cao, có khả năng tạo ra những lợi thế cạnh tranh về nhân lực cho quốc gia, có năng lực ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và tri thức khoa học vào việc mở rộng những ngành nghề mới cho xã hội.

Xây dựng nhân lực CLC có nghĩa là xây dựng đội ngũ nhân lực KH&CN, nhất là các chuyên gia, tổng công trình sư, kỹ sư đầu ngành, công nhân có tay nghề cao, có trình độ chuyên môn - kỹ thuật tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực, có đủ năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và đề xuất những giải pháp khoa học, công nghệ, kỹ thuật, giải quyết những vấn đề cơ bản của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; xây dựng đội ngũ doanh nhân quản lý doanh nghiệp, có khả năng tổ chức, khả năng cạnh tranh (Đàm Đức Vượng, 2012).

Nhìn chung,>NNLCLC được hiểu là một bộ phận đặc biệt của lực lượng lao động, có khả năng đáp ứng nhu cầu cao của thực tiễn, có trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật cao, kỹ năng lao động giỏi, khả năng thích ứng nhanh, làm chủ công nghệ sản xuất; có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng vận



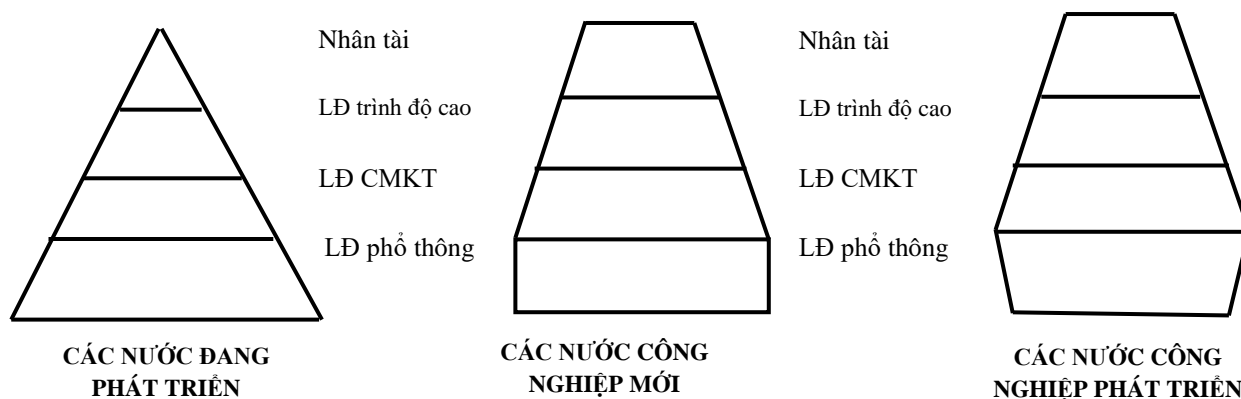
dụng sáng tạo tri thức, kỹ năng đã được đào tạo vào quá trình lao động sản xuất nhằm đem lại năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Phát triển>NNLCLC có vai trò quan trọng và là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, tập trung vào việc khai thác nguồn nhân lực có chất xám, trình độ tay nghề cao, có khả năng đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 (Nguyễn Phan Thu Hằng, 2015).

### ***1.2. Vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao cao đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng KH&CN gắn với đổi mới sáng tạo là quá trình chuyển đổi cơ bản toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế, quản lý xã hội từ dựa vào lao động thủ công là chính sang dựa vào lao động kết hợp với phương tiện, phương pháp công nghệ, kỹ thuật, tiên tiến hiện đại để tạo ra năng suất lao động cao. CNH, HĐH nền kinh tế về bản chất là quá trình phát triển toàn diện, nhanh chóng nền kinh tế thông qua phát triển công nghiệp, dịch vụ dựa trên công nghệ và cơ chế vận hành theo hướng cơ khí hoá, tự động hoá, áp dụng những thành tựu KH&CN mới vào quá trình sản xuất và dịch vụ.

Mục tiêu tổng quát của CNH, HĐH nước ta là xây dựng Việt Nam trở thành nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất tinh thần cao, an ninh quốc phòng vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.>NNLCLC là nguồn lực chính quyết định quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.>NNLCLC gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển nhân lực của quốc gia đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đặc biệt là nâng cao chất lượng thể lực, trí lực, tâm lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Có thể nói,>NNLCLC có vai trò quyết định đối với thực hiện các mục tiêu và bước đi của quá trình CNH, HĐH.

Với các nước công nghiệp phát triển, cơ cấu nguồn nhân lực đã chuyển sang mô hình “quả trứng” với sự tăng trưởng nhanh số lượng lao động chất lượng cao và có khá nhiều nhân tài sáng tạo. Ở đây, số lượng người lao động có trình độ sơ cấp giảm xuống. Bậc đào tạo đại học trở thành “đại chúng”, đào tạo một số lượng lớn những người lao động có trí thức làm việc trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội, làm tăng đáng kể năng suất lao động và trình độ công nghệ của sản xuất.



**Hình 1: Cơ cấu lao động theo trình độ phát triển của một nước**

*Nguồn: Phạm Hồng Chương, Một số kiến nghị về mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Ổn định và tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Bộ Khoa học và Công nghệ, 2012*

Đồng thời, quá trình CNH, HĐH dài hay ngắn, các mục tiêu đạt thấp hay cao, có rút ngắn được khoảng cách phát triển so với các nước tiên tiến hay không...đều phụ thuộc vào NNLCLC. NNLCLC có mối liên hệ mật thiết với quá trình CNH, HĐH dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, thể hiện ở chỗ:

- Công nghiệp hoá với sự phát triển của các ngành công nghệ cao và các ngành kinh tế mũi nhọn có tác động thúc đẩy thị trường lao động phát triển. NNLCLC sẽ được thu hút nhiều vào các ngành này, tạo nên lực đẩy cho phát triển và tăng trưởng kinh tế.

- Việc áp dụng ở quy mô lớn các thành tựu KH&CN hiện đại vào sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế đòi hỏi phải có NNLCLC. Đội ngũ này đáp ứng cho các chỗ làm việc chất lượng và dần dần làm thay đổi cơ cấu chuyên môn, kỹ thuật của lực lượng lao động, thay đổi kết cấu việc làm trong nền kinh tế.

- CNH, HĐH với sự phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao cũng thu hút nhiều lao động vào làm việc có tác động thúc đẩy sự phát triển nhanh của thị trường nhân lực chất lượng cao.

- Hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ làm gia tăng cạnh tranh về NNLCLC, lao động chất xám. Sự cạnh tranh này diễn ra quyết liệt trên thị trường lao động quốc tế, tạo ra các dòng di cư NNLCLC. Do đó, thúc đẩy Nhà nước, doanh nghiệp, cơ quan thực hiện các biện pháp tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ thuật cao cho người lao động; sử dụng, đãi ngộ hợp lý NNLCLC nhằm nâng cao tính cạnh tranh lao động của doanh nghiệp mình trên thị trường lao động quốc tế.

## ***1.4. Kinh nghiệm quốc tế và bài học về nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo***

### *1.4.1. Kinh nghiệm quốc tế*

#### *+ Trung Quốc*

Trung Quốc với dân số hơn 1,343 tỷ người, diện tích tự nhiên 9.597 km<sup>2</sup>, hiện đang là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Năm 2011, chỉ số phát triển con người (HDI) của Trung Quốc là 0,687, GDP bình quân đầu người năm 2011 là 8.382 USD. Trung Quốc đặt mục tiêu trở thành nước hiện đại và phát triển. Chính phủ và nhân dân Trung Quốc, một mặt nhấn mạnh yếu tố tự lực tự cường, mặt khác không ngừng tìm tòi và áp dụng các công nghệ tiên tiến và các phương pháp quản lý tiên tiến của nước khác, trong đó phải kể đến sự nhấn mạnh về phát triển nguồn nhân lực. Để phát triển NNLCLC, Trung Quốc đã lựa chọn một số định hướng chiến lược, đó là tập trung phát triển nhân lực lãnh đạo, quản lý, nhân lực khoa học công nghệ và đội ngũ doanh nhân cấp quốc tế. Trong những năm qua, Trung Quốc chú trọng cải cách và đầu tư mạnh cho đào tạo và giáo dục<sup>1</sup>:

Kinh phí đầu tư cho ngành giáo dục liên tục tăng, hiện chiếm khoảng 3,2% GDP của quốc gia. Nếu như các nước đang phát triển thường chú trọng đầu tư cho giáo dục cấp tiểu học và cơ sở thì Trung Quốc lại đầu tư mạnh mẽ cho giáo dục bậc cao. Đây là điểm khác biệt cơ bản của giáo dục Trung Quốc với các nước cùng trình độ phát triển. Trung Quốc cũng chú trọng đến việc giáo dục, đào tạo văn hóa nghề nhằm nâng cao chất lượng NNLCLC, xây dựng văn hóa làm việc của cả tập thể, người lao động cũng như người sử dụng lao động.

Về thu hút, sử dụng và đãi ngộ NNLCLC, Chính phủ đẩy mạnh việc cải cách, quản lý nguồn nhân tài và chuyên gia theo cơ chế đánh giá và tuyển dụng mới tiên tiến hơn<sup>2</sup>: (i) Chính phủ cũng thực hiện nhiều biện pháp nhằm thu hút đông hơn giới doanh nhân, trí thức Hoa kiều trở về nước làm việc, thực thi chế độ đãi ngộ, trả lương cao theo trình độ, cấp nhà ở, bảo hiểm y tế, trợ cấp... cho những người Hoa từ nước ngoài về nước làm việc. Doanh nhân Hoa kiều được ưu đãi cho vay vốn để khởi nghiệp. Trung Quốc thực thi chính sách bảo lưu quyền định cư ở nước ngoài cho các trí thức người Hoa về làm việc trong nước.

<sup>1</sup> Wu Jiang, "To train high-skilled workers for China's Modern manufacturing Industry backed by high and new technology", School of Labor Economics, Capital University of Economics and Business

<sup>2</sup> OCDE/GD(95)77, "The measurement of scientific and technological activities manual on the measurement of human resources devoted to S&T" (CANBERRA MANUAL), OECD, 1995

Chính quyền địa phương tại thành phố Thượng Hải hay Bắc Kinh thi hành chính sách đãi ngộ nhân tài mà không phân biệt văn bằng, địa vị xã hội hay quốc tịch. Ngoài ra, Chính phủ còn thành lập viện nghiên cứu, quỹ hỗ trợ nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học phát huy khả năng của họ. Hệ thống tuyển dụng nhân sự được cải tiến rõ nét: chú trọng đến thực lực hơn là bằng cấp, thi tuyển công khai và khoa học, bố trí công việc phù hợp với sở trường của từng cá nhân.

#### + *Singapore*

Singapore là một quốc gia với diện tích nhỏ và thiếu tài nguyên nhưng người dân Singapore vẫn là những công dân đạt tiêu chuẩn sống cao nhất trên thế giới. Giáo dục - đào tạo, vốn được đặc biệt coi trọng ở Singapore, lại tiếp tục được nhận thức như là chìa khóa để củng cố nhân lực, phát triển đất nước. Các nhà lãnh đạo Singapore quan niệm rằng: thắng trong cuộc đua về giáo dục sẽ thắng trong cuộc đua về phát triển kinh tế. Vì vậy, chính phủ Singapore đã thực hiện những bước đi trọng tâm trong giáo dục để phát triển NNLCLC. Chính phủ Singapore đã dành một khoản đầu tư rất lớn để phát triển giáo dục. Sau khi giành độc lập, Singapore phải đối mặt với một nhiệm vụ rất khó khăn đó là gia nhập vào nền kinh tế toàn cầu trong khi họ chỉ có một lợi thế duy nhất là lực lượng lao động phổ thông không có kỹ năng. Để đáp ứng yêu cầu về toàn cầu hóa, Singapore cần tạo được nguồn lao động có kỹ năng cao hơn. Singapore xác định họ không thể phát triển công nghiệp nếu thiếu người lao động có kỹ năng trong công nghiệp.

Việc xây dựng và thực hiện chiến lược về phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là NNLCLC được chính phủ giao nhiệm vụ cho các đơn vị, bộ ban ngành cùng phối hợp thực hiện một cách chặt chẽ và đảm bảo tính hiệu quả, bao gồm: Bộ Thương mại và công nghiệp, Bộ Nguồn nhân lực, Bộ Giáo dục, Bộ kinh tế, và ban phát triển kinh tế (EDB), Cơ quan phát triển nguồn nhân lực (WDA),... Sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả giữa các bộ ban ngành này là một trong những nguyên nhân không nhỏ đã tạo ra một lực lượng lao động có chất lượng như hiện nay tại Singapore.

Singapore xây dựng hệ thống giáo dục linh hoạt và hướng đến khả năng, sở thích cũng như năng khiếu của từng học sinh nhằm giúp các em phát huy cao nhất tiềm năng của mình. Bên cạnh việc ứng dụng các tiến bộ của khoa học - công nghệ mới vào giảng dạy, chương trình đào tạo của Singapore luôn chú trọng vào giáo dục nhân cách, truyền thống văn hóa dân tộc. Nhà nước Singapore tập trung đầu tư vào một số trường công lập để có chất lượng mẫu mực và có chính sách tín dụng thích hợp để thu hút đào tạo nhân tài. Đối với khối ngoài công lập, Chính phủ tạo điều kiện để phát triển, khuyến khích việc liên thông, liên kết với nước ngoài, mời gọi các đại

học quốc tế đặt chi nhánh... Chính phủ Singapore chủ trương thu hút sinh viên quốc tế đến học tập, miễn xét thị thực cho du học sinh quốc tế, không đòi hỏi phải chứng minh tài chính, chi phí học tập vừa phải, môi trường học tập hiện đại, các ngành nghề đào tạo đa dạng...

#### *1.4.2. Bài học cho Việt Nam*

Trong quá trình tăng trưởng và phát triển, các nước trong khu vực và ở Châu Á đều tập trung vào thay đổi mô hình tăng trưởng - ban đầu là phát triển theo chiều rộng, dựa chủ yếu vào vốn, tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ (không có kỹ năng hoặc kỹ năng thấp); sau đó kết hợp các yếu tố tăng trưởng theo chiều rộng với tăng trưởng theo chiều sâu, dựa vào việc nâng dần trình độ công nghệ của sản xuất và nâng cao năng suất lao động, mở cửa nền kinh tế để nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất toàn cầu; xây dựng nền kinh tế tri thức chuyển nhanh sang thời đại công nghệ cao.

Các nước đều có sự quan tâm đặc biệt đến>NNLCLC và thấy rõ vai trò quan trọng của vấn đề này trong quá trình CNH, HĐH, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, trong quá trình phát triển cần phải xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển>NNLCLC, thực hiện mô hình giáo dục đại học đại chúng để gia tăng>NNLCLC. Trong mô hình này có sự kết hợp giữa đào tạo chuyên sâu mang tính nghiên cứu với đào tạo đại trà mang tính cộng đồng.

Việt Nam cần xác định nâng cao chất lượng>NNLCLC phải dựa trên cơ sở kế thừa và phát huy giá trị văn hóa truyền thống kết hợp với việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đây là bài học kinh nghiệm sâu sắc của nhiều nước, mà thành công nhất là Nhật, Singapore, Trung Quốc... Đồng thời, cần tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của nền văn minh nhân loại. Phát triển nguồn nhân lực phải gắn liền với nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

## **2. Thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế theo hướng CNH, HĐH trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

### ***2.1. Thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao***

Việt Nam hiện có một lực lượng lao động dồi dào với khoảng 50,74 triệu người trong độ tuổi lao động, trong đó, tỷ lệ lao động phi chính thức chiếm đến 55% tổng lực lượng lao động. Lao động đã qua đào tạo từ trình độ sơ cấp trở lên năm 2021 ước tính là 13,1 triệu người, chiếm 26,1%, trong đó nhân lực có trình độ từ đại học trở lên

có khoảng hơn 5 triệu người, chiếm 44%<sup>3</sup>. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi của Việt Nam để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Cơ cấu NNLCLC đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế theo hướng CNH, HĐH trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo được chia theo các nhóm ngành kinh tế được thể hiện trong bảng 1 dưới đây:

**Bảng 1: Cơ cấu nhân lực chất lượng cao theo lĩnh vực 2015-2020**

Đơn vị: %

Ngành kinh tế	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4,3	4,1	4,2	4,1	4,0	4,6
Công nghiệp chế biến, chế tạo	18,0	18,5	18,6	17,9	17,7	17,9
Thông tin và truyền thông	75,4	80,8	82,9	83,1	86,5	83,5
Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	82,9	82,9	81,0	85,4	86,0	85,1
Khoa học và công nghệ	76,0	81,4	78,4	82,6	80,2	81,9
Giáo dục và đào tạo	91,3	92,0	91,2	91,5	91,2	91,3
Y tế	89,1	87,8	90,2	91,1	92,2	89,8

*Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám Thống kê các năm 2015-2020*

Trong các ngành kinh tế, ngành y tế và giáo dục và đào tạo có tỷ trọng lao động chất lượng cao lớn nhất (chiếm lần lượt 91,2% và 92,2% lao động của ngành trong năm 2019). Trong khi đó, công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành chủ lực trong quá trình CNH, HĐH thì lao động chất lượng cao chỉ mới chiếm 17,8% lao động của ngành và tỷ lệ này lại có xu hướng giảm.

Bên cạnh đó, toàn quốc có 80,8% dân số từ 15 tuổi trở lên không có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Một nửa trong số 19,2% người có trình độ trình độ chuyên môn kỹ thuật là người có trình độ từ đại học trở lên (chiếm 9,3%). Tỷ lệ dân số có trình độ chuyên môn kỹ thuật đã tăng lên đáng kể so với năm 2009, tăng 5,9 điểm phần trăm (năm 2009: 13,3%). Tỷ lệ dân số có trình độ đại học trở lên tăng mạnh nhất, gấp hơn hai lần so với năm 2009 (năm 2009: 4,4%).

<sup>3</sup> Tổng cục Thống kê: “Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý IV năm 2021 và chỉ số phát triển con người Việt Nam 2016 - 2020”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-nam-2021-va-chi-so-phat-trien-con-nguoi-viet-nam-2016-2020/>, truy cập ngày 6.1.2022.

**Bảng 3. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, giới tính, thành thị, nông thôn và vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam năm 2020**

*Đơn vị: %*

	<b>Tổng số</b>	<b>Không có trình độ CMKT</b>	<b>Sơ cấp</b>	<b>Trung cấp</b>	<b>Cao đẳng</b>	<b>Đại học trở lên</b>
<b>Toàn quốc</b>	100	80,8	3,1	3,5	3,3	9,3
<b>Nam</b>	100	79,7	3,7	3,9	3,0	9,7
<b>Nữ</b>	100	81,9	2,5	3,2	3,5	8,9
<b>Thành thị</b>	100	68,4	4,7	4,8	4,4	17,7
<b>Nông thôn</b>	100	87,6	2,2	2,9	2,6	4,7

*Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê các năm*

Giáo dục đại học và trên đại học của Việt Nam đã có những bước chuyển mình, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn: Đào tạo trình độ cao đẳng và dưới cao đẳng ở khu vực thành thị cao hơn gần hai lần khu vực nông thôn; đào tạo trình độ đại học và trên đại học ở thành thị cao hơn gần bốn lần so với khu vực nông thôn. Đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp khá đã được thu hút và phát huy hiệu quả lao động cao ở một số ngành, lĩnh vực như bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, sản xuất ô tô, xe máy, đóng tàu, công nghiệp năng lượng, y tế, giáo dục,... và xuất khẩu lao động. Đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng tăng về số lượng và cải thiện về kiến thức, kỹ năng kinh doanh, từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

## **2.2. Đánh giá chung**

### **2.2.1. Kết quả đạt được**

NNLCLC là một trong những lợi thế quan trọng mang tính quyết định để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, đóng vai trò quyết định đến khả năng huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác, nhất là trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của>NNLCLC, Đảng ta đã chủ trương thực hiện khâu đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng, Quốc hội ban hành Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, Luật Giáo dục năm 2019, Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức cùng với việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020... tạo tiền đề để nguồn nhân lực của nước ta được tăng cường cả về quy mô và chất lượng.

Việt Nam hiện có những tín hiệu khả quan trong phát triển NNLCLC. Chỉ số đào tạo nghề năm 2019 đã tăng 13 bậc trên bảng xếp hạng trong Báo cáo cạnh tranh năng lực toàn cầu, và là một trong các quốc gia có chỉ số tăng chất lượng đào tạo nghề rất tốt, từ đó góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của quốc gia. Hiện nay, Chính phủ đang tiếp tục rà soát các hệ thống cơ chế chính sách phát triển NNLCLC và đang tìm kiếm nguồn lực lớn để đầu tư cho lĩnh vực này.

### 2.2.2. Hạn chế

Quy mô NNLCLC ở nước ta còn nhỏ bé so với yêu cầu của quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế; kinh nghiệm quốc tế chỉ ra rằng, một nền kinh tế muốn “cất cánh” chuyển từ thay đổi về lượng sang thay đổi về chất thì ít nhất phải có một lượng nhất định đội ngũ lao động chuyên môn kỹ thuật trình độ cao để dẫn dắt sự phát triển.

Cơ cấu NNLCLC phân bố không đều, tập trung cục bộ tại một số ngành dịch vụ, thiếu nghiêm trọng nhân lực chất lượng cao ở các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, xây dựng, dịch vụ vận tải kho bãi và một số ngành dịch vụ chất lượng cao. Đây là những ngành đi đầu trong ứng dụng công nghệ và chuyển giao công nghệ tiên tiến, là đầu kéo để nâng cao trình độ công nghệ của nền sản xuất.

Năng suất lao động của Việt Nam năm 2020, theo ước tính của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), thấp hơn 7 lần so với Malaysia; 4 lần so với Trung Quốc; 3 lần so với Thái Lan; 2 lần so với Philippines và 26 lần so với Singapore. Báo cáo 2020 của Tổ chức Năng suất châu Á (APO) cũng cho thấy, năng suất lao động Việt Nam tụt hậu so với Nhật Bản 60 năm, so với Malaysia 40 năm và Thái Lan 10 năm. Các kỹ năng mềm, trong đó có khả năng ngoại ngữ đang ngày càng đóng vai trò quan trọng ở hầu hết các ngành nghề, vẫn đang là hạn chế của phần lớn lao động Việt Nam. Theo báo cáo Tổng Chỉ số Nguồn nhân lực Việt Nam 2022, tỷ lệ lao động Việt Nam đủ trình độ tiếng Anh để làm việc chỉ chiếm 5% lực lượng lao động- tỷ lệ này là khá thấp so với các quốc gia không nói tiếng Anh khác trong khu vực như Indonesia (10%), Malaysia (21%), Thái Lan (27%)<sup>4</sup>.

Phân công lao động xã hội và gắn kết đào tạo với sử dụng nhân lực chất lượng cao không hợp lý dẫn đến vẫn còn khá nhiều nhân lực cao làm các công việc của lao động phổ thông, của nhân viên bán hàng, của nhân viên văn phòng đơn giản và làm

---

<sup>4</sup> ManpowerGroup, Báo cáo Tổng chỉ số Nguồn nhân lực 2022, truy cập từ <https://manpower.com.vn/vi/blog/2022/12/tong-chi-so-nguon-nhan-luc-viet-nam-2022-thi-truong-lao-dong-can-nang-cao-ky-nang-de-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai?source=google.com>.



trái với ngành nghề đào tạo. Trong khi quy mô nhân lực chất lượng cao còn nhỏ bé chưa đủ đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập quốc tế thì đây có thể coi là lãng phí lớn nhất trong khai thác và sử dụng nguồn tiềm năng quan trọng của đất nước.

### **3. Giải pháp nâng cao chất lượng lao động chuyên môn kỹ thuật trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế theo hướng CNH - HĐH trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

#### **3.1. Nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và những yêu cầu đối với phát triển nguồn nhân lực Việt Nam**

Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và sự phát triển rất nhanh của KH&CN trên toàn thế giới tác động đến sự phát triển nói chung và phát triển nhân lực nói riêng của tất cả các quốc gia. Cụ thể:

Toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế thúc đẩy nhanh quá trình hình thành và phát triển rất nhanh các thị trường vốn, hàng hoá, dịch vụ, công nghệ và lao động..., trong đó có dòng di chuyển nhân lực trình độ cao từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển để chiếm giữ những vị trí then chốt về quản lý, kinh doanh, dịch vụ chất lượng cao, gồm cả trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, KH&CN. Điều đó đòi hỏi Việt Nam phải phát triển nhân lực để chủ động tiếp cận tri thức thế giới, tiếp nhận chuyển giao tri thức để nắm bắt và tiến tới làm chủ kiến thức, công nghệ, những bí quyết, kỹ năng làm việc để cạnh tranh thắng lợi ngay tại thị trường nhân lực trong nước.

Toàn cầu hoá kinh tế diễn ra ngày càng rộng và sâu, trong đó các hoạt động kinh tế liên kết các quốc gia vào quá trình sản xuất - phân phối - tiêu dùng tạo thành chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu (tức là quá trình làm ra một sản phẩm và giá trị gia tăng tạo ra từ quá trình đó được thực hiện ở nhiều quốc gia, trong đó nhiều nước cùng tham gia vào sản xuất ra một sản phẩm hoàn chỉnh nhất định, theo đó mỗi quốc gia tham gia ngày càng sâu vào quá trình phân công lao động quốc tế). Trong môi trường toàn cầu hoá, với việc áp dụng rộng rãi tiến bộ KH&CN, đặc biệt là công nghệ thông tin, mọi quốc gia đều có thể tiếp cận, tham gia trực tiếp vào các khâu, các chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu nếu có NNL được chuẩn bị và đào tạo tốt. Để tránh tụt hậu và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu, nhân lực nước ta phải được đào tạo và trang bị những kiến thức và kỹ năng hiện đại, tiên tiến, tương ứng với trình độ phát triển KH&CN của các nước tiên tiến, đáp ứng yêu cầu của quá trình phân công lao động quốc tế để tham gia vào các chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu.

Khoa học - công nghệ phát triển với tốc độ rất nhanh trên quy mô thế giới, thúc đẩy hình thành nền kinh tế tri thức trên phạm vi toàn cầu. Thế giới chuyển nhanh

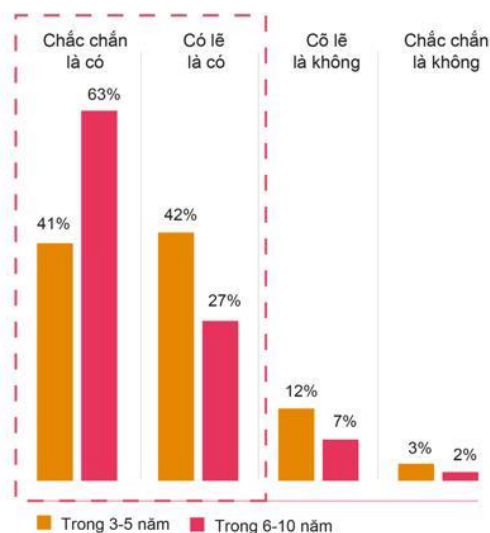
từ xã hội công nghiệp sang xã hội thông tin. Công nghệ thông tin tạo ra nhiều việc làm kể cả trực tiếp trong ngành và gián tiếp trong các ngành khác.

**83%** số người được hỏi đồng ý rằng công nghệ sẽ thay đổi công việc trong 3-5 năm tới.

**Câu hỏi:**

Bạn có nghĩ rằng công nghệ sẽ thay đổi công việc hiện tại của bạn?

Nguồn: Báo cáo Mức độ sẵn sàng về Kỹ năng số, 2021 của PwC Việt Nam



Nguồn: <https://vneconomy.vn>

Chu kỳ vòng đời của mỗi loại sản phẩm ngày càng ngắn lại, sản phẩm mới liên tục xuất hiện, khu vực dịch vụ phát triển nhanh và chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế của mỗi quốc gia về giá trị gia tăng và việc làm. Các ngành, nghề biến đổi liên tục, ngày càng nhiều ngành nghề hiện có mất đi, nhiều ngành nghề mới nhanh chóng xuất hiện, yêu cầu kỹ năng tổng hợp thay cho kỹ năng hẹp, đòi hỏi cao về trí thức và trí tuệ. Đào tạo nhân lực thích ứng với những cuộc cạnh tranh diễn ra hàng ngày với mức độ ngày càng gay gắt, đào tạo thể hệ mới doanh nhân, đội ngũ giáo viên trình độ quốc tế, lao động trí thức khoa học, công nghệ hiện đại, năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh trở thành mục đích hàng đầu của phát triển nhân lực.

Trong thế giới vừa hợp tác, vừa cạnh tranh gay gắt với xu thế bảo hộ của các quốc gia có tiềm lực kinh tế, KH&CN mạnh vẫn còn chi phối các mối quan hệ kinh tế - thương mại, các quốc gia với trình độ phát triển kém hơn buộc phải vươn tới chiếm lĩnh càng nhiều càng tốt công nghệ nguồn và tham gia vào các chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu.

**3.2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế theo hướng CNH, HĐH trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2035**

Để đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm (25-30 năm), theo kinh nghiệm của các nước và lãnh thổ “công nghiệp mới” (Hàn Quốc, Singapore), chỉ có cách duy nhất là dựa vào tri thức, vào tiến bộ khoa học - công

nghệ, tăng nhanh năng suất lao động tức là dựa vào nhân lực có trí tuệ và trình độ cao. Muốn vậy, phải có đội ngũ nhân lực phát triển tương đối đồng bộ từ khâu lãnh đạo, quản lý, hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện chính sách và làm việc trực tiếp trong nền kinh tế. Do đó, cần thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

*Thứ nhất*, cùng với đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp cơ bản (công nghiệp năng lượng, bao gồm cả điện nguyên tử, cơ khí chế tạo, công nghệ tự động hóa, vật liệu mới, hóa chất, dầu khí, luyện kim, công nghệ thông tin, công nghệ biển...), các ngành dịch vụ chất lượng cao (vận tải và thông tin liên lạc, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, thương mại, giáo dục - đào tạo; y tế; khoa học-công nghệ...), Việt Nam phải chuyển dịch cơ cấu nhân lực từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, từ trình độ thấp lên trình độ cao, xây dựng đội ngũ nhân lực KH&CN có đủ trình độ, năng lực để tiếp thu có hiệu quả công nghệ hiện đại, tiên tiến của thế giới và từng bước sáng tạo và sản xuất được công nghệ mới. Đồng thời, hoạch định chính sách phát triển kinh tế, chính sách KH&CN hấp dẫn để thu hút chất xám của thế giới, thu hút các nhà đầu tư lớn, các doanh nghiệp công nghệ tiên tiến của các nước phát triển chuyển giao KH&CN hiện đại vào Việt Nam.

*Thứ hai*, mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ nay đến năm 2030 có thể được xác định là tăng trưởng bền vững, hiệu quả và vì con người, dựa trên cơ sở khai thác và sử dụng tốt nhất các lợi thế cạnh tranh quốc tế, chú trọng các yếu tố tăng trưởng theo chiều sâu, vận hành theo cơ chế thị trường hoàn chỉnh, trong một môi trường thể chế có tính trách nhiệm và minh bạch cao<sup>5</sup>. Do vậy, cần chuyển sang tăng trưởng theo chiều sâu trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế trên cơ sở hoàn thiện và khai thác lợi thế cạnh tranh đã tạo dựng được, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiệu quả; tận dụng lợi thế quy mô, tích tụ của mạng lưới các vùng động lực tăng trưởng; vận hành thông suốt cơ chế thị trường; đảm bảo tăng trưởng đồng thời với cải thiện thu nhập cho các vùng chậm phát triển thông qua chính sách phân phối lại thu nhập; chú trọng đặc biệt đến yêu cầu tăng trưởng thân thiện môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

*Thứ ba*, tập trung đầu tư phát triển các tổ chức KH&CN trọng điểm; liên kết các tổ chức KH&CN cùng tính chất, lĩnh vực, hoặc liên ngành; hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh đủ năng lực giải quyết những nhiệm vụ trọng điểm quốc gia. Nâng

---

<sup>5</sup> Phạm Hồng Chương, *Một số kiến nghị về mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Ổn định và tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Bộ Khoa học và Công nghệ, Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2011-2015, mã số KX.01/11-15, Hà Nội, tháng 12/2012.

cao năng lực nghiên cứu cơ bản của các trường đại học trọng điểm quốc gia. Phát triển các nhóm nghiên cứu trẻ có tiềm năng trong các trường đại học, viện nghiên cứu. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp KH&CN, trung tâm thông tin KH&CN, trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng ở Trung ương và địa phương. Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý KH&CN ở các ngành, các cấp. Phát triển hệ thống các tổ chức dịch vụ chuyên giao công nghệ, các chợ công nghệ và thiết bị. Bảo đảm thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả các sáng chế. Tổ chức triển lãm giới thiệu các thành tựu đổi mới và sáng tạo KH&CN.

*Thứ tư*, chính phủ cần thúc đẩy việc tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi và hấp dẫn để các doanh nghiệp có thể tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Điều này có thể bao gồm cả các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài và các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực. Đồng thời, tạo ra một môi trường đổi mới sáng tạo, khuyến khích việc thử nghiệm các ý tưởng mới và phát triển các sản phẩm mới. Điều này có thể bao gồm cả việc tạo ra các chính sách khuyến khích sáng tạo và đổi mới, cũng như hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa...

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Tuyên giáo Trung ương, *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2022, tr.278.

2. Phạm Hồng Chương, *Một số kiến nghị về mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Ổn định và tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Bộ Khoa học và Công nghệ, Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2011-2015, mã số KX.01/11-15, Hà Nội, tháng 12/2012

3. Phạm Xuân Nam, *Thách thức của lao động Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, số 8/2021, tr.32

4. ILO, *Qualification Frameworks: Implementation and Impact- Background case study on Lithuania*, ILO 2010, p.2; OECD: *Developing highly skilled workers: Review of Canada*, OECD, France 2004.

5. Dr Marcus Powell & Mr John Lindsay, *Skill development strategies for Rapid growth and development: The East Asian economic miracle*, 2010, The centre for employment initiatives.

6. Lê Nam Sơn, *Những thành tựu không thể phủ nhận trong phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2011-2021*, Tạp chí Công thương, số 2/2022, tr.21.

7. ManpowerGroup, *Báo cáo Tổng chỉ số Nguồn nhân lực 2022*, truy cập từ <https://manpower.com.vn/vi/blog/2022/12/tong-chi-so-nguon-nhan-luc-viet-nam-2022-thi-truong-lao-dong-can-nang-cao-ky-nang-de-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai?source=google.com>.

8. Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý IV năm 2021 và chỉ số phát triển con người Việt Nam 2016 - 2020*”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-nam-2021-va-chi-so-phat-trien-con-nguoi-viet-nam-2016-2020/>, truy cập ngày 6.1.2022.